

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
PHỤC HƯNG CONSTREXIM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Cao Tùng Lâm	Ủy viên
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
Ông Lưu Văn Lạc	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2010

Số: 1495/2010 /BCKT/IFC - ACA Group-1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Lê Xuân Thắng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		288.037.114.471	302.666.008.544
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		51.934.656.123	25.577.119.324
1. Tiền	111	V.1	51.934.656.123	25.577.119.324
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		350.000.000	350.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	350.000.000	350.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.178.938.298	82.439.967.621
1. Phải thu khách hàng	131		81.751.471.653	58.000.099.918
2. Trả trước cho người bán	132		16.033.090.562	20.348.349.591
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	701.998.920	6.585.495.780
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.307.622.837)	(2.493.977.668)
IV. Hàng tồn kho	140		113.038.245.836	166.762.878.772
1. Hàng tồn kho	141	V.4	113.038.245.836	166.762.878.772
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.535.274.214	27.536.042.827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		39.285.163	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		776.214.139	320.953.220
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	24.719.774.912	27.215.089.607
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		176.882.324.580	44.778.613.653
II. Tài sản cố định	220		49.350.638.915	28.050.263.964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	21.247.393.014	15.066.743.826
- Nguyên giá	222		37.796.372.769	27.709.926.003
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.548.979.755)	(12.643.182.177)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	451.701.545	434.314.166
- Nguyên giá	228		499.537.085	460.590.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.835.540)	(26.275.834)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	27.651.544.356	12.549.205.972
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	1.021.201.147	1.077.157.375
- Nguyên giá	241		1.119.124.545	1.119.124.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(97.923.398)	(41.967.170)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		119.158.563.833	6.550.257.581
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	110.218.000.000	5.840.257.581
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	8.940.563.833	710.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.351.920.685	9.100.934.733
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	6.897.919.577	8.025.909.157
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	454.001.108	1.075.025.576
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		464.919.439.051	347.444.622.197

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		408.757.158.750	299.206.470.990
I. Nợ ngắn hạn	310		405.232.400.608	295.135.059.548
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	106.015.929.030	100.132.624.660
2. Phải trả người bán	312		36.040.453.640	28.952.772.458
3. Người mua trả tiền trước	313		101.393.012.825	98.705.693.920
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.220.296.704	4.998.556.094
5. Phải trả người lao động	315		2.146.375.431	3.130.044.912
6. Chi phí phải trả	316	V.17	33.896.065.386	7.279.337.296
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	117.520.267.592	51.548.962.252
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	387.067.956
II. Nợ dài hạn	330		3.524.758.142	4.071.411.442
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	3.378.741.899	3.922.198.399
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		146.016.243	149.213.043
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.608.214.998	43.189.410.065
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	49.002.915.429	42.919.715.641
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.287.502.500	10.287.502.500
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.111.342.226	1.326.920.283
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.391.933.898	884.792.256
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.212.136.805	420.500.602
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		605.299.569	269.694.424
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		605.299.569	269.694.424
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		6.554.065.303	5.048.741.142
1. Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số			5.005.002.000	4.805.000.000
2. Lợi ích của cổ đông thiểu số			1.549.063.303	243.741.142
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		464.919.439.051	347.444.622.197

Cao Tùng Lâm
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2010

Trần Hồng Phúc
 Kế toán trưởng

Ngô Minh Nguyệt
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	435.413.884.286	310.958.712.576
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	435.413.884.286	310.958.712.576
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	405.044.974.844	281.067.499.302
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.368.909.442	29.891.213.274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	374.044.091	1.417.142.627
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.521.985.912	10.864.365.943
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.306.482.205	9.682.936.386
8. Chi phí bán hàng	24		607.144.338	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.173.361.982	14.041.084.231
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.440.461.301	6.402.905.727
11. Thu nhập khác	31		5.199.332.639	1.278.302.446
12. Chi phí khác	32		6.607.062.345	1.462.311.551
13. Lợi nhuận khác	40		(1.407.729.706)	(184.009.105)
14. Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	(9.742.419)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.032.731.595	6.209.154.203
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	2.303.713.374	2.637.881.797
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		111.826.752	(1.003.549.872)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.617.191.469	4.574.822.278
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.206.037.966	658.832.184
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		9.411.153.503	3.915.990.094
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	3.137	1.353

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Trần Hồng Phúc
Kế toán trưởng

Ngô Minh Nguyệt
Người lập

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		563.750.173.951	164.762.584.405
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(430.627.627.045)	(122.613.890.137)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.823.538.104)	(18.487.236.544)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.667.845.517)	(3.291.231.574)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.298.543.615)	(1.168.371.096)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		100.317.822.217	55.618.762.390
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(171.532.824.900)	(44.900.175.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.117.616.987	29.920.441.928
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(10.288.900.339)	(60.047.619)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(45.636.056.910)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		46.524.950.486	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.861.378	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		713.751.974	6.579.936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.675.393.411)	(53.467.683)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		200.002.000	9.143.810.054
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		169.328.140.227	11.671.064.315
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(162.910.359.662)	(30.217.208.841)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.702.469.342)	-3.067.620.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.915.313.223	(12.469.954.472)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		26.357.536.799	17.397.019.773
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.577.119.324	8.180.099.551
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	51.934.656.123	25.577.119.324

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Trần Hồng Phúc
Kế toán trưởng

Ngô Minh Nguyệt
Người lập

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2010

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001. Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung.

Theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 21 tháng 08 năm 2003, Công ty được tiếp nhận là Công ty con trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con Constrexim theo quy định tại Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 30 tháng 07 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ (Công ty mẹ là Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam - Constrexim Holdings).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 07 tháng 03 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng), tổng số cổ phần là 3.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Theo Danh sách tổng hợp phân bổ quyền cho người sở hữu chứng khoán số 19873-TTCK-ĐK và số 19874-TTCK-ĐK của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 3 tháng 12 năm 2009, cơ cấu sở hữu vốn như sau:

TT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ góp vốn	Số tiền góp đến 31/12/2009
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	370.200	12,34%	3.702.000.000
2	Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí VN	400.000	13,33%	4.000.000.000
3	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	504.062	16,80%	5.040.620.000
4	Ông Cao Tùng Lâm	147.196	4,91%	1.471.960.000
5	Ông Phạm Văn Chi	24.120	0,80%	241.200.000
6	Ông Đỗ Việt Anh	22.480	0,75%	224.800.000
7	Các cổ đông khác	1.531.942	51,06%	15.319.420.000
	Cộng	3.000.000	100%	30.000.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim có 02 chi nhánh, gồm:

- Chi nhánh Miền Nam tại P2006 Lô A, tòa nhà 21 tầng Trung tâm Thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; và
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại số 78/65 Ba Vân, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim có 02 Công ty con và 01 Công ty liên doanh cụ thể như sau:

Công ty con

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7

Công ty liên doanh

- Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 158 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình Si lô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo ngoại ngữ;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV;
- Xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Buôn bán, lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Thiết kế công trình (thiết kế tổng thể mặt bằng, kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa thể thao, phần che công trình điện năng, thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, dầu khí (kho trạm), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; và
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng thể mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp.....

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, các công ty con là Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7. Công ty liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Viettel Hancic. Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Viettel Hancic chưa được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này do tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH Viettel Hancic chưa hoàn thành báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp 4,5 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 30% trong tổng vốn điều lệ 15 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco. Số vốn đã góp này bao gồm thặng dư vốn cổ phần: mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, giá mua 13.000 đồng/cổ phần. Theo đó, Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco là công ty liên kết của Công ty. Do vậy Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm cả Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco. Theo Công văn số 1485/CV-PH-BGD của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim ngày 26 tháng 12 năm 2008, Công ty chuyển toàn bộ số tiền đã giải ngân cho Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco vay và khoản lãi tiền vay sang góp vốn từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2009 số tiền là 2.380.563.833 đồng. Theo đó, Công ty đã góp vào Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 8.230.563.833 đồng (trong đó thặng dư vốn cổ phần là 1.350.000.000 đồng). Tuy nhiên trong năm 2009, vốn điều

lệ của Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco tăng từ 15 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng. Do vậy tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 15,29% và cũng không thỏa thuận gì khác về quyền biểu quyết. Vì vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco không phải là công ty liên kết và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty không bao gồm Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính này. Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi

tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kê toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2009 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn của các lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý năng suất lương được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí thuê Văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.430.868.820	2.429.632.099
Tiền gửi ngân hàng	50.503.787.303	23.147.487.225
Cộng	51.934.656.123	25.577.119.324

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	350.000.000	350.000.000
Cộng	350.000.000	350.000.000

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.935.000	1.935.000
Phải thu khác	700.063.920	6.583.560.780
- Các cá nhân	665.435.567	625.076.820
- Công ty Cổ phần Kiến trúc Phục Hưng	15.045.659	1.004.290.103
- Công ty Cổ phần Sinh viên Vistco	-	2.416.150.326
- Phải thu khác	19.582.694	2.538.043.531
Cộng	701.998.920	6.585.495.780

4. Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.437.983.645	747.816.953
Công cụ, dụng cụ	20.483.000	3.750.000
Chi phí SXKD dở dang	103.972.213.430	162.573.485.583
Thành phẩm	76.580.895	-
Hàng hóa	6.530.984.866	3.437.826.236
Cộng	113.038.245.836	166.762.878.772

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	24.400.594.710	26.893.909.405
+ Tạm ứng lương	-	20.000.000
+ Tạm ứng giao khoán nội bộ (*)	11.604.069.376	26.873.909.405
+ Tạm ứng khác	12.796.525.334	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	319.180.202	321.180.202
Cộng	24.719.774.912	27.215.089.607

(*) Tạm ứng giao khoán nội bộ là những khoản tiền đã tạm ứng cho các đội nhận khoán của Công ty để mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền lương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & XUẤT NHẬP KHẨU PHỤC HƯNG

Tầng 3 nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	405.895.369	16.311.371.493	9.334.064.137	908.919.413	749.675.591	27.709.926.003
Mua trong năm	-	5.830.416.606	4.489.391.754	351.888.380	-	10.671.696.740
Tặng khác	126.495.358	-	-	-	4.496.645	130.992.003
Thanh lý, nhượng bán	-	(48.136.800)	(634.971.048)	(11.043.219)	(22.090.910)	(716.241.977)
Tại ngày 31/12/2009	532.390.727	22.093.651.299	13.188.484.843	1.249.764.574	732.081.326	37.796.372.769
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	13.181.818	8.198.710.594	3.499.430.283	442.901.355	488.958.127	12.643.182.177
Khấu hao trong năm	6.253.876	2.731.671.238	1.540.925.248	239.222.413	23.348.694	4.541.421.469
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(589.275.048)	-	(46.348.843)	(635.623.891)
Tại ngày 31/12/2009	19.435.694	10.930.381.832	4.451.080.483	682.123.768	465.957.978	16.548.979.755
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2009	392.713.551	8.112.660.899	5.834.633.854	466.018.058	260.717.464	15.066.743.826
Tại ngày 31/12/2009	512.955.033	11.163.269.467	8.737.404.360	567.640.806	266.123.348	21.247.393.014

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của công ty với giá trị khoảng 3.489.663.284 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng	Phần mềm kế	Phần mềm	Tổng cộng
	đất	toán	quản lý năng	
	VND	VND	suất lương	VND
			VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2009	420.000.000	30.590.000	10.000.000	460.590.000
Mua trong năm	-	38.947.085	-	38.947.085
Tại ngày 31/12/2009	420.000.000	69.537.085	10.000.000	499.537.085
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2009	-	22.942.502	3.333.332	26.275.834
Khấu hao trong năm	-	18.226.374	3.333.332	21.559.706
Tại ngày 31/12/2009	-	41.168.876	6.666.664	47.835.540
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2009	420.000.000	7.647.498	6.666.668	434.314.166
Tại ngày 31/12/2009	420.000.000	28.368.209	3.333.336	451.701.545

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tổng số chi phí XD CB dở dang	27.651.544.356	12.549.205.972
- Dự án thép Bim Sơn	885.504.015	799.656.378
- Dự án Nhà liền kề 7 Bim Sơn - Thanh Hóa	528.215.270	2.877.485.249
- Dự án Phục Hưng Tower	15.497.936.576	-
- Dự án Tân Thành (khu 23 ha)	554.888.495	8.872.064.345
- Dự án Đồi Ngọc Tước (thửa đất 23,4 P8, TP Vũng Tàu)	10.185.000.000	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2009	1.119.124.545	1.119.124.545
Tại ngày 31/12/2009	1.119.124.545	1.119.124.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2009	41.967.170	41.967.170
Khấu hao trong năm	55.956.228	55.956.228
Tại ngày 31/12/2009	97.923.398	97.923.398
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2009	1.077.157.375	1.077.157.375
Tại ngày 31/12/2009	1.021.201.147	1.021.201.147

10. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	phần sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2009	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép bằng công nghệ ván khuôn leo, kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt cấu kiện thép....

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

10. Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu và biểu</u>	<u>Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2009</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Thanh Hóa	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực); xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV; xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông; Thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; xử lý nước thải; xử lý nền móng công trình,...

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng theo thỏa thuận trong Điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 tháng 06 năm 2007, Công ty được quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty.

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco	-	5.840.257.581
Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic (*)	110.218.000.000	-
Cộng	<u>110.218.000.000</u>	<u>5.840.257.581</u>

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2009, Công ty đồng ý mua toàn bộ cổ phần và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (bên nhận chuyển nhượng) ngày 5 tháng 11 năm 2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 6.000.000 USD (tương đương 110.218.000.000 đồng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

12. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	700.000.000	700.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Sinh viên - Vistco (*)	8.230.563.833	-
Đầu tư trái phiếu	10.000.000	10.000.000
Cộng	8.940.563.833	710.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp 4,5 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 30% trong tổng vốn điều lệ 15 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco. Số vốn đã góp này bao gồm thặng dư vốn cổ phần: mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, giá mua 13.000 đồng/cổ phần. Theo đó, Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco là công ty liên kết của Công ty. Theo Công văn số 1485/CV-PH-BGD của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng ngày 26 tháng 12 năm 2008, Công ty chuyển toàn bộ số tiền đã giải ngân cho Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco vay và khoản lãi tiền vay sang góp vốn từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2009 số tiền là 2.380.563.833 đồng. Theo đó, Công ty đã góp vào Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 8.230.563.833 đồng (trong đó thặng dư vốn cổ phần là 1.350.000.000 đồng). Tuy nhiên trong năm 2009, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco tăng từ 15 tỷ đồng lên 45 tỷ đồng. Do vậy tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 15,29% và cũng không thỏa thuận gì khác về quyền biểu quyết. Vì vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần Sinh viên - Vistco không phải là công ty liên kết của Công ty.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	3.785.843.305	4.127.861.867
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	216.000.000
Chi phí thuê văn phòng HH2	3.112.076.272	3.181.492.636
Chi phí xây dựng nền trạm trộn Sơn La	-	500.554.654
Cộng	6.897.919.577	8.025.909.157

14. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	777.862.100	1.146.501.280
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(323.860.992)	(71.475.704)
Cộng	454.001.108	1.075.025.576

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô	91.463.764.038	87.413.997.844
+ Việt Nam đồng	87.319.353.888	83.874.338.163
+ Đô la Mỹ	4.144.410.150	3.539.659.681
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	7.203.099.991	1.500.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại KYCONS	-	2.000.000.000
- Các cá nhân khác	7.349.065.001	9.218.626.816
Cộng	106.015.929.030	100.132.624.660
- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 36032.09/HĐTDHM ngày 08 tháng 04 năm 2009 với thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 08 tháng 04 năm 2009. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn này là 136 tỷ.		
- Khoản vay ngắn hạn của các cá nhân khác theo các hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết giữa Công ty và các cá nhân. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 0,5% đến 1%/tháng trên chi phí đi vay tùy thuộc vào từng hợp đồng vay, lãi suất này không cố định có thể thay đổi căn cứ vào biến động lãi suất của ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo sự thỏa thuận của hai bên.		
- Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn theo hợp đồng hạn mức số 01/09/HĐ ngày 10 tháng 04 năm 2009 với tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn của hợp đồng là ngày 31/03/2010, lãi suất theo từng khế ước vay cụ thể.		
- Vay ngắn hạn các cán bộ nhân viên trong Công ty theo từng hợp đồng vay cụ thể, thời hạn dưới 1 năm, lãi vay là 1%/tháng.		
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.703.722.386	4.122.232.273
Thuế xuất, nhập khẩu	67.623.774	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.412.236.644	850.190.514
Thuế thu nhập cá nhân	36.713.900	26.133.307
Cộng	8.220.296.704	4.998.556.094
17. Chi phí phải trả		
	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	3.800.000
Trích trước chi phí xây lắp	33.896.065.386	7.275.537.296
Cộng	33.896.065.386	7.279.337.296
V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)		
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	434.992.592	463.681.207
Bảo hiểm xã hội	25.710.135	199.711.443
Bảo hiểm y tế	9.502.565	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.840.001.158	-
Phải trả phải nộp khác:	36.210.061.142	50.885.569.602
+ Phải trả các Đơn vị xây dựng công trình	35.535.451.886	42.257.200.832
+ Các khoản phải trả khác	674.609.256	8.628.368.770
Cộng	117.520.267.592	51.548.962.252

19. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô	3.378.741.899	3.922.198.399
Cộng	3.378.741.899	3.922.198.399

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 07.36032.01/HĐTDTH ngày 06 tháng 03 năm 2007 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư văn phòng Công ty tại Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội. Công ty sử dụng giá trị quyền sử dụng diện tích 523m² thuê trong 50 năm tại tầng 3 Tòa nhà HH2 - phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.506.077.400 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 03.36032.05/HĐTDTH ngày 27 tháng 10 năm 2005 với thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư dự án trạm trộn bê tông thương phẩm và các thiết bị kèm theo. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp cho khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 699.870.999 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.36032.09/HĐTDTH ngày 28 tháng 12 năm 2009 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu cầu tháp SCM C6018. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.172.793.500 đồng

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND
Tại ngày 01/01/2008	19.053.950.000	1.861.780.000	516.094.421	358.835.374	3.225.608.342
Tăng trong năm	10.946.050.000	8.450.000.000	1.007.721.027	525.956.882	3.915.990.094
Tăng vốn trong năm trước	10.946.050.000	8.450.000.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.915.990.094
Trích quỹ	-	-	1.007.721.027	525.956.882	-
Giảm trong năm	-	(24.277.500)	(196.895.165)	-	(6.721.097.834)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.260.796.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(2.084.301.734)
Chi quỹ	-	-	(196.895.165)	-	(376.000.100)
Giảm khác	-	(24.277.500)	-	-	-
Tại ngày 01/01/2009	30.000.000.000	10.287.502.500	1.326.920.283	884.792.256	420.500.602
Tăng trong năm	-	-	961.917.043	507.141.642	9.515.371.562
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.411.153.503
Trích quỹ	-	-	961.917.043	507.141.642	-
Tăng khác	-	-	-	-	104.218.058
Giảm trong năm	-	-	(177.495.100)	-	(4.723.735.359)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.523.409.316)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(1.937.004.379)
Chi quỹ	-	-	(177.495.100)	-	(262.320.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.001.664)
Tại ngày 31/12/2009	30.000.000.000	10.287.502.500	2.111.342.226	1.391.933.898	5.212.136.805

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Công ty trích quỹ đầu tư phát triển 10%, quỹ dự phòng tài chính 5% và quỹ khen thưởng phúc lợi 5% lợi nhuận chưa phân phối. Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2009 số 02/2009/BB-ĐHĐCĐBT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim ngày 27 tháng 12 năm 2009, Công ty tạm chia cổ tức năm 2009 với tỷ lệ là 15%.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Danh sách tổng hợp phân bổ quyền cho người sở hữu chứng khoán số 19873-TTCK-ĐK và số 19874-TTCK-ĐK của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 3 tháng 12 năm 2009, chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng & Thương mại VN	3.702.000.000	3.702.000.000
Công ty Tài chính CP Dầu khí VN	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	5.040.620.000	2.800.000.000
Ông Cao Tùng Lâm	1.471.960.000	1.471.960.000
Bà Lê Thị Quỳnh Chi	-	1.400.000.000
Bà Hoàng Thị Bình Thoan	-	1.400.000.000
Ông Vũ Hà Nam	-	1.400.000.000
Ông Phạm Văn Chi	241.200.000	241.200.000
Ông Đỗ Việt Anh	224.800.000	224.800.000
Các cổ đông khác	15.319.420.000	13.360.040.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	435.413.884.286	310.958.712.576
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động xây lắp	404.532.302.217	239.706.748.009
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.881.582.069	71.251.964.567
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	435.413.884.286	310.958.712.576

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	380.572.745.731	211.540.146.161
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ khác	24.472.229.113	69.527.353.141
Cộng	405.044.974.844	281.067.499.302

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	367.796.752	920.717.248
Thu phí bảo lãnh công trình	-	496.425.379
Thu nhập khác	6.247.339	-
Cộng	374.044.091	1.417.142.627

4. Chi phí tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.306.482.205	9.682.936.386
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	36.650.420	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	318.210.036	469.947.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	66.278.093
Chi phí bảo lãnh hợp đồng	687.728.539	578.709.556
Chi phí tài chính khác	172.914.712	66.494.876
Cộng	4.521.985.912	10.864.365.943

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.303.713.374	2.637.881.797
Trong đó:		
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim	1.719.818.722	2.289.617.221
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	321.984.314	49.230.255
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	261.910.338	299.034.321
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	9.411.153.503	3.915.990.094
Số cổ phần phổ thông lưu hành đầu kỳ	3.000.000	1.905.395
Số cổ phần phổ thông lưu hành cuối kỳ	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	2.894.897
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.137	1.353

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu	16.385.105.046	61.965.941.488
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	9.025.095.830	21.766.806.169
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	7.360.009.216	40.199.135.319
Thu nhập khác	2.915.680.231	10.854.755.841
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	2.074.256.878	2.937.741.642
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	841.423.353	7.917.014.199
Lãi phải thu	763.404.905	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	163.404.905	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	600.000.000	-
Chi phí thầu phụ	145.022.317.124	108.794.843.513
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	102.583.184.119	27.150.720.248
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	42.439.133.005	81.644.123.265

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Các khoản phải thu	6.993.668.834	13.740.002.348
Tổng Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại VN	6.993.668.834	2.791.179.954
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	-	8.532.672.068
Công ty CP Sinh viên Vistco	-	2.416.150.326
Các khoản phải trả	29.530.979.600	243.776.344
Tổng Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại VN	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	28.049.709.992	243.776.344
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	1.481.269.608	-

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
Hội đồng quản trị			230.000.000	120.000.000
Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	54.000.000	24.000.000
Cao Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	44.000.000	24.000.000
Trịnh Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	44.000.000	24.000.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	44.000.000	24.000.000
Lưu Văn Lạc	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	44.000.000	24.000.000
Ban kiểm soát			44.000.000	33.000.000
Nguyễn Thị Lan	Trưởng BKS	Thù lao BKS	22.000.000	24.000.000
Nguyễn Đức Chính	BKS	Thù lao BKS	1.500.000	6.000.000
Nguyễn Văn Duy	BKS	Thù lao BKS	9.500.000	-
Nguyễn Lan Hương	BKS	Thù lao BKS	11.000.000	3.000.000
Ban Giám đốc			792.978.223	493.291.576
Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc	Tiền lương	268.890.092	151.000.000
Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	171.360.000	101.025.969
Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	136.162.701	84.615.385
Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	70.000.000	69.512.496
Trần Hồng Phúc	Giám đốc Tài chính	Tiền lương	146.565.430	87.137.726

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam). Một

số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Trần Hồng Phúc
Kế toán trưởng

Ngô Minh Nguyệt
Người lập

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2010